

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
TH3NH PHỐ H3 NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 02 - 2024
V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, TH3NH PHỐ H3 NỘI**

- TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều

Ông Nguyễn Huy Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, tH3nh phố H3 Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX - ST ngày 17 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- HNGĐ ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nH3 06, ngõ 107, đường Sông N, cụm 7, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký HKTT: Số nH3 07, ngõ 227, thôn Thượng H, cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội;

Tạm trú tại: Khu nhà ở 46 căn, đường N11, tổ 23, khu 3, phường Phú T, thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình Dương; có đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Trụ sở: Số 105 Tây Sơn, thị trấn P, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch UBND

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H1 – Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội

Trụ sở: Xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn M – Chủ tịch UBND; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1956;

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Thượng H, cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; ông H2, bà H3 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc D kết hôn năm 2000. Năm 2022, chị xin ly hôn anh D. Tại Quyết định số 62/2022/QĐCNTTLH ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã ghi nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, con chung, không xem xét giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn, chị và anh D không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên chị khởi kiện anh D yêu cầu chia tài sản sau ly hôn là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (Vlap), diện tích 165m²; địa chỉ thửa đất: Cụm 13, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, tH3nh phố H3 Nội tên chủ sử dụng Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976 và Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977.

Về Nguồn gốc thửa đất số 23 nêu trên là do năm 2001 chị và anh D mua đất của UBND xã Tân Hội với giá 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ. Năm 2001, chị và anh D đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) hiện nay hóa đơn không còn. Năm 2001, chị và anh D về sinh sống luôn ở ngôi nH3 cấp 4 hiện nay đã xuống cấp. Năm 2003, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc thì nhận được thông tin UBND xã Tân H yêu cầu nộp toàn bộ số tiền mua đất còn lại nếu không nộp bị thu hồi. Chị đã điện thoại vay mẹ để chị số tiền 21.000.000đ đồng, sau đó anh D cùng mẹ để chị, dì anh D đi nộp tiền. Đến nay, chị đã trả xong số tiền này. Năm 2008, chị đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị gia đình anh D ngăn cản vì anh D đang chấp hành án phạt tù nên chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, chị ở Đài Loan nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc thì được con gái là Nguyễn Thị Thanh H4 thông báo việc anh D tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận thửa đất; chị yêu cầu con gái gửi đơn đến UBND xã Tân H đề nghị dừng thủ tục cấp giấy do anh D có ý định chuyển nhượng thửa đất. Do vậy, thửa đất đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4 hiện nay đã xuống cấp, 01 nhà mái bằng do anh D tự xây và tự chi phí nên chị không biết, thời gian này chị sinh sống ở Đài Loan nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc.

Ngoài thửa đất số 23 thì chị và anh D không còn tài sản chung nào khác; không vay nợ cũng như không cho ai vay nợ.

Nay chị khởi kiện anh D yêu cầu chia thửa đất nêu trên, đề nghị giao cho anh D diện tích nhà đất theo hiện trạng anh D xây dựng giáp nhà ông H5 và đảm bảo kết cấu nhà xây; còn chị sử dụng diện tích đất theo hiện trạng còn lại giáp nhà ông Th. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D thanh toán chênh lệch giá trị tài sản.

* Bị đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày: Khi Tòa án thụ lý vụ án anh đăng ký tạm trú và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú của anh ở xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng với anh thì anh đang sinh sống ở xã Tân Hội, anh nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý, giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, anh và chị H kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý giải quyết theo Quyết định số 62/2022/QĐCNTTLH ngày 09/6/2022 như chị H trình bày nêu trên là đúng.

Về nguồn gốc thửa đất số 23 chị H yêu cầu chia là do anh và chị H mua theo Quyết định giao đất của UBND huyện Đan Phượng ngày 14/01/2001, anh và chị H phải nộp 9.240.000 đồng nhưng thực tế anh và chị H đã nộp 26.000.000 đồng (1 lần 5.000.000 đồng và 1 lần 21.000.000 đồng). Số tiền mua đất do chị H và anh vay mượn, đến nay chị H và anh đã trả xong. Khi mua đất thì trên đất có 1 nhà cấp 4 hiện nay đã xuống cấp; năm 2019, anh xây dựng nhà mái bằng 2 tầng là tiền riêng của anh.

Ngoài thửa đất số 23 và 01 nhà cấp 4 đã xuống cấp nêu trên là tài sản chung của anh và chị H thì anh và chị H không có tài sản chung nào khác; không vay nợ cũng như không cho ai vay nợ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Đan Ph trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản trình bày:

Căn cứ Quyết định số 5149/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội thể hiện: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) một phần nằm trong chỉ giới đường đỏ dự án đầu tư xây dựng đường Tây Thăng Long. Dự án này chưa triển khai, thực hiện trên địa bàn huyện Đan Phượng nên không có hồ sơ liên quan đến thu hồi, kiểm đếm.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Tân H trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản trình bày:

Nguồn gốc thửa đất chị H khởi kiện anh D được UBND huyện Đan Phượng giao cho hộ gia đình anh Nguyễn Quốc D diện tích 165m² đất (chiều rộng 10m x chiều dài 16,5m), phía trong tại khu Lò Gạch (Theo Quyết định số 224 QĐ/UB ngày 14/11/2001 của UBND huyện Đan Phượng). Anh D, chị H khẳng định nộp 5.000.000 đồng do sơ suất đã đánh mất phiếu thu, lần 2 nộp vào ngày 09/6/2003 số tiền 21.000.000 đồng phiếu thu nộp cho Tòa án ghi với nội dung (đóng góp xây dựng địa phương). Như vậy, tổng số tiền anh D, chị H nộp đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định số 224QĐ/UB ngày 14/11/2001 của UBND huyện Đan Ph.

Căn cứ Quyết định số 5149/QĐ- UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện Đan Ph về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thì thửa đất số 23 nêu trên có một phần nằm trong chỉ giới đường đỏ dự án đầu tư xây dựng đường Tây Thăng Long. Hiện tại dự án đường Tây Thăng Long chưa triển khai, thực hiện trên địa bàn huyện Đan Ph nên không có hồ sơ liên quan đến thu hồi, kiểm đếm.

Căn cứ biên bản đo hiện trạng thửa đất anh D, chị H sử dụng xây dựng và công trình lấn một phần đất công do UBND xã quản lý. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu anh D,

chị H tháo dỡ, phá bỏ công trình xây dựng vi phạm để trả lại hiện trạng ban đầu của đất trước vi phạm.

Việc ông H2, bà H3 xây dựng chuồng lợn lấn đất công (lối đi) do UBND xã quản lý. Diện tích đất này giáp đất giao cho anh D, chị H.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Ông, bà xây dựng chuồng lợn trên ngõ đi chung do UBND xã quản lý, giáp với đất của gia đình anh D, chị H đang sử dụng. Ông bà sẽ dỡ bỏ chuồng lợn chăn nuôi để trả nguyên trạng ngõ đi. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu gì khác với anh D, chị H.

Tại phiên tòa, chị H trình bày: Thừa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân Hội là do chị và anh D mua. Chị và anh D chưa làm bất kỳ thủ tục chuyển nhượng, tặng cho thừa đất trên theo quy định của pháp luật hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Ngoài thừa đất nêu trên cùng ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp thì chị và anh D không có tài sản chung nào khác, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Nay chị tự nguyện đề nghị giao anh D phần diện tích nhà đất xây dựng theo hiện trạng sử dụng cộng thêm phần đất đảm bảo kết cấu nhà, còn chị hưởng phần đất giáp nhà anh D xây và không yêu cầu chênh lệch giá trị tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp H3nh đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của anh D, chị H đều khẳng định thừa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội được giao đất theo Quyết định của UBND huyện Đan Phượng. Trong quá trình tham gia tố tụng, anh D, chị H xác định ngoài thừa đất số 23 cùng ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp thì anh D, chị H không có tài sản chung nào khác, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Do vậy, chị H khởi kiện anh D yêu cầu chia tài sản chung là thừa đất số 23 nêu trên là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H giao cho anh D diện tích nhà đất do anh D xây dựng cộng thêm phần đất đảm bảo kết cấu nhà, diện tích còn lại giao cho chị H và chị H không yêu cầu anh D thanh toán giá trị chênh lệch tài sản. Anh D, chị H phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) có đơn khởi kiện chia tài sản sau ly hôn với anh Nguyễn Quốc D ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; tạm trú tại: Khu nhà ở 46 căn, đường N11, tổ 23, khu 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Kể từ thời điểm Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng với anh Nguyễn Quốc D đến thời điểm xét xử thì anh D đang sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; anh D đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý, giải quyết vụ án. Theo

quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành H2 giải; anh D, UBND xã Tân H, UBND huyện Đan Ph, ông H2 và bà H3 đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh D, UBND xã Tân H, UBND huyện Đan Ph, ông H2, bà H2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của chị H khởi kiện anh D chia tài sản sau khi ly hôn là thừa đất số 23 nêu trên.

[2.1]. Về nguồn gốc thừa đất:

Căn cứ các tài liệu do UBND xã cung cấp, các tài liệu do Tòa án thu thập, cũng như lời trình bày của các đương sự đều xác định: Thừa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph được giao theo Quyết định số 224/QĐ/UB ngày 14/11/2001 của UBND huyện Đan Phượng cho hộ gia đình anh Nguyễn Quốc D. Diện tích đất anh D, chị H được giao 165m² đất (chiều rộng 10m x chiều dài 16,5m), phía trong tại khu Lò Gạch. Tại thời điểm giao đất hộ gia đình anh D gồm: Anh D, chị H và con của anh chị là cháu H4 mới sinh. Anh D, chị H đều xác định nguồn tiền mua đất do vợ chồng vay mượn, đến nay đã trả nợ xong. Con của anh D, chị H cũng xác định không có đóng góp gì đối với thừa đất và tài sản trên đất.

Tại Công văn phúc đáp của UBND xã Tân H khẳng định anh D, chị H đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định số 224/QĐ/UB ngày 14/11/2001 của UBND huyện Đan Ph.

Từ những căn cứ trên xác định thừa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội là tài sản chung của chị H và anh D trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại.

[2.2]. Những biến động trong quá trình sử dụng thừa đất

Theo Quyết định số 5149/QĐ- UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện Đan Phượng về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thì và thừa đất số 23 có một phần nằm trong chỉ giới đường đỏ dự án đầu tư xây dựng đường Tây Thăng Long. Hiện tại dự án đường Tây Thăng Long chưa triển khai, thực hiện trên địa bàn huyện Đan Ph nên không có hồ sơ liên quan đến thu hồi, kiểm đếm.

Anh D, chị H xác định: Năm 2019, anh D xây dựng nhà và công trình từ tài sản riêng của anh D, chị H không đóng góp nên không yêu gì đối với phần nhà và công trình do anh D xây dựng. Do vậy, xác định giá trị nhà, công trình xây trên đất vào năm 2019 không phải là tài sản chung của chị H, anh D.

Căn cứ biên bản đo hiện trạng thừa đất số 23 thể hiện: Tổng diện tích đất anh D, chị H sử dụng trong khuôn viên nhà đất 165m² chiều rộng diện tích đất 10m, chiều dài các cạnh có chênh lệch nhau, cuối thừa đất (giáp hồ Lò Gạch) một phần nhà và công trình xây lấn chiếm một phần đất công do UBND xã quản lý; phía trước thừa đất là lối đi chung bị ông H2, bà H3 xây dựng chuồng lợn; còn các cạnh đất khác không tranh chấp với các hộ liền kề. Xét thấy, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu anh D, chị H tháo dỡ,

phá bỏ công trình xây dựng vi phạm để trả lại hiện trạng ban đầu của đất trước vi phạm là có căn cứ. Do ông H2, bà H3 làm chuồng chăn nuôi đã hạn chế quyền sử dụng thửa đất nên buộc ông H2, bà H3 tháo dỡ phần xây dựng trên lối đi giáp với thửa đất số 23 trả lại nguyên trạng lối đi.

Theo các tài liệu do chị H cung cấp thì anh D viết ủy quyền tặng cho con gái của anh D, chị H là Nguyễn Thị Thanh H4 ½ thửa đất số 23 nhưng không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật nên văn bản không có giá trị pháp lý. Do vậy, cần xem xét phân chia thửa đất theo yêu cầu khởi kiện của chị H để các bên tự định đoạt phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về giá trị tài sản trên đất:

Giá trị quyền sử dụng đất: $165 \text{ m}^2 \times 15.000.000 \text{ đồng} = 2.475.000.000\text{đ}$ (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi năm triệu đồng)

Giá trị tài sản trên đất do anh D, chị H tạo lập hiện còn: 01 ngôi nhà cấp 4, xây dựng trước thời điểm năm 2001, diện tích $47,7 \text{ m}^2$; 01 nhà tạm đang dùng làm nơi nuôi lợn, có diện tích $23,4 \text{ m}^2$ các tài sản này đều hết khấu hao.

Giá trị tài sản trên đất do anh D xây dựng vào năm 2019 gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 tum xây dựng, diện tích tầng 1 là $81,5 \text{ m}^2$. Tổng diện tích 183 m^2 , giá trị 758.758.000 đồng. Được anh D, chị H xác định là tài sản riêng của anh D nên không xem xét phân chia.

Từ phân tích trên xác định quyền sử dụng thửa đất số 23 cùng tài sản do chị H, anh D tạo lập có giá trị 2.475.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi năm triệu đồng) được chia mỗi người ½ giá trị. Tuy nhiên, do chị H và anh D xác định phần nh3 anh D xây dựng là nguồn tiền riêng của anh D nên chị H tự nguyện đề nghị giao cho anh D sử dụng nhà, công trình xây dựng theo hiện trạng, đảm bảo kết cấu có diện tích $85,5 \text{ m}^2$ có giá trị là 1.282.500.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Phần diện tích còn lại chị H sử dụng là $79,5 \text{ m}^2$ có giá trị là 1.192.500.000đ (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu của chị H là tự nguyện nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung khác, nợ:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh D đều xác định ngoài thửa đất số 23 nêu trên và 01 ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp thì chị H, anh D không có tài sản chung nào khác; không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết các vấn đề về tài sản khác, nợ.

[4]. Chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xét yêu cầu của chị H là tự nguyện cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Quốc D phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 38, Điều 39 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) kiện anh Nguyễn Quốc D về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Về tài sản chung, nợ:

Xác định quyền sử dụng đất và một phần tài sản nhà cấp 4, nhà tạm đều đã xuống cấp được xây dựng trên thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) và anh Nguyễn Quốc D trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Giá trị quyền sử dụng đất $165 \text{ m}^2 \times 15.000.000 \text{ đồng} = 2.475.000.000\text{đ}$ (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi năm triệu đồng)

Về tài sản chung khác, nợ: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Quốc D đều xác định không có.

3. Chia tài sản chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh H đề nghị giao cho anh Nguyễn Quốc D sử dụng nhà, công trình xây dựng theo hiện trạng, đảm bảo kết cấu nhà, diện tích còn lại chị H sử dụng. Cụ thể:

3.1. Giao anh Nguyễn Quốc D được quyền sử dụng diện tích $85,5 \text{ m}^2$ của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên đất, giá trị là $1.282.500.000\text{đ}$ (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Vị trí đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,9

Buộc anh Nguyễn Quốc D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm đất công do UBND xã quản lý diện tích $23,3 \text{ m}^2$. Vị trí đất được giới hạn bởi các điểm 3, 3A, 3B, 4A, 4.

(Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo)

3.2. Giao chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) được quyền sử dụng diện tích $79,5 \text{ m}^2$ của thửa đất số 23, tờ bản đồ số 30 (VLap) ở cụm 13, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên đất, giá trị là $1.192.500.000\text{đ}$ (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Vị trí đất được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,7,8,9.

Buộc chị Nguyễn Thị Minh H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm đất công do UBND xã quản lý diện tích $16,9 \text{ m}^2$. Vị trí đất được giới hạn bởi các điểm 4, 4A, 4B, 5A, 5.

(Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo)

4. Buộc ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị H3 phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên ngõ đi chung giáp với diện tích đất giao cho chị H sử dụng, trả lại nguyên trạng lối đi chung.

5. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) phải chịu 47.775.000đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 13.550.000đ (Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003172 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi H3nh án dân sự huyện Đan Phượng, tH3nh phố H3 Nội. Chị H còn tiếp tục phải nộp 34.225.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 50.475.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Minh H (Nguyễn Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quốc D, Ủy ban nhân dân xã Tân H, Ủy ban nhân dân huyện Đan Ph, ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị H3 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H3nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H3nh án dân sự thì người được thi H3nh án dân sự, người phải thi H3nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H3nh án, quyền yêu cầu thi H3nh án, tự nguyện thi H3nh án hoặc bị cưỡng chế thi H3nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H3nh án dân sự; thời hiệu thi H3nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H3nh án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. H3 Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

